

Số: 55./CBTT-CTy

Bảo Lộc, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Mã chứng khoán: DTB.

Địa chỉ : Số 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duy Tiên

Điện thoại: 02633.864057

Email: ctctdtbaoloc@lamdong.gov.vn

Website: <http://congydothibaoloc.com>

Loại thông tin công bố ☐ 24h ☐ 72h ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021 được lập theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://congydothibaoloc.com> (mục quan hệ cổ đông) ngày 30/3/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Duy Tiên



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

ĐỊA CHỈ: 261 Hoàng Văn Thụ - Phường I – TP. Bảo Lộc

Website: <https://congydothibaoloc.com/>

SĐT: 02633 86 40 57



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



1

THÔNG TIN
CHUNG

7

2

TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG NĂM 2021

23

3

BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

43

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI
ĐỒNG QUẢN TRỊ

57

5

QUẢN TRỊ CÔNG
TY

63

6

BÁO CÁO TÀI
CHÍNH KIỂM TOÁN

79



Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 5800001347 cấp lần đầu ngày 16/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 09/12/2020.
- Vốn điều lệ: 15.582.480.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 261, Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0263 3 864 057
- Số fax: 0263 3 371 0343
- Website: <https://congydothibaoloc.com/>
- Mã cổ phiếu: DTB





Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị sự nghiệp là Xí Nghiệp Công trình Đô thị Bảo Lộc và Đội Duy tu bảo dưỡng đường giao thông Bảo Lộc theo Quyết định số 1661/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng

1996

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 580001347 lần đầu cho Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc với vốn điều lệ là 12.989.000.000 đồng

2010

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản số 6978/UBCK-GSDC về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc trở thành công ty đại chúng.

2018

Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 2516/ QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc thành Công ty Cổ phần.

2009

Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lần đầu thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, số vốn điều lệ thu được là 14.682.480.000

2013

Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lần hai thông qua phát hành cho Cổ đông Nhà nước (Góp vốn hỗ trợ Doanh nghiệp mua sắm xe tưới nước chuyên dụng), số vốn điều lệ thu được là 15.582.480.000

2016

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc, ngày giao dịch đầu tiên là 22/07/2019.

2019



Qua 25 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc vẫn luôn giữ vững và tiếp tục đạt được những thành tích và bằng khen của tập thể công ty trên cơ sở bám sát định hướng phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường của tỉnh Lâm Đồng. Trong năm 2021, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ sau:

- Ngày 17/12/2021: Liên đoàn lao động tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2021.

- Ngày 06/7/2021: Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng trao tặng bằng khen cho Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc theo Quyết định số 1708/QĐ-UBND công nhận danh hiệu doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” 5 năm 2016 - 2020.

- Ngày 23/12/2021: Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng tặng giấy khen tập thể cán bộ và nhân viên Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã có thành tích trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” năm 2021.





HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

- ✓ Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc
- ✓ Trồng các loại hoa, cây cảnh
- ✓ Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng
- ✓ Xây dựng, chăm sóc, duy trì công viên, khu vực cây xanh
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Sửa chữa cơ khí nhỏ, rửa xe, bơm dầu nhớt
- ✓ Kinh doanh gas, khí đốt. Duy tu bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè. Tổ chức quản trang, mai táng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.







Mục tiêu:

- Nâng cao kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, phát huy tính sáng tạo trong đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao hiệu quả công việc.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh trên các lĩnh vực Công ty đang hoạt động, tiết kiệm chi phí, Đẩy mạnh công tác tìm kiếm các công trình XDCB nhằm tăng doanh thu cho Công ty.
- Đáp ứng yêu cầu của khách hàng về thời gian và chất lượng phục vụ đối với các dịch vụ do Công ty cung cấp.

Sứ mệnh:

- Xây dựng, duy trì và phát triển mỹ quan đô thị của thành phố Bảo Lộc.
- Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công nhân viên chức trong công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa,... để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân tại địa phương.

Tầm nhìn:

- Trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị, là lựa chọn số 1 đối với các tổ chức, các chủ đầu tư nhờ thương hiệu uy tín và khả năng cung cấp dịch vụ khách hàng tốt nhất.
- Xây dựng công ty thành một tổ chức chuyên nghiệp, tạo dựng công ăn việc làm ổn định, môi trường làm việc năng động, thu nhập cao cho toàn bộ cán bộ công nhân viên (CBCNV) công ty.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển nguồn nội lực của công ty bằng việc chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, thực hiện những chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân người giỏi và thu hút nguồn lao động có chuyên môn.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có và triển khai mở rộng các loại dịch vụ này trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.
- Ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình hoạt động, cung ứng dịch vụ của công ty nhằm đảm bảo giá thành hợp lý, rút ngắn thời gian cung ứng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Đầu tư phát triển các lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích; Cân đối nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay trong cơ cấu vốn nhằm đảm bảo ổn định tài chính, phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty trong dài hạn.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống của cộng đồng là mục tiêu cao nhất. Đáp ứng các nhu cầu của khách hàng về cung cấp các dịch vụ môi trường là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty. Toàn thể Công ty luôn phấn đấu giữ vững vị thế là đơn vị chủ lực trong việc cung cấp các dịch vụ môi trường trên địa bàn thành phố Bảo Lộc với phương châm: " Vì một đô thị xanh, sạch, sáng, đẹp".
- Tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu chất thải nguy hại tại nguồn, xử lý chất thải phù hợp với yêu cầu của Pháp luật, bảo vệ môi trường phòng ngừa ô nhiễm từ nguồn.
- Xây dựng những chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công nhân viên chức trong công ty. Bên cạnh đó, nâng cao nhận thức cho toàn thể CBCNV thông qua các hoạt động vì môi trường.
- Tổ chức và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ và làm sạch môi trường sống, góp phần duy trì vẻ đẹp đô thị thành phố Bảo Lộc.

Rủi ro kinh tế:

Dịch bệnh Covid-19 với những diễn biến phức tạp trong năm 2021 đã tác động mạnh tới nền kinh tế của tất cả các quốc gia trên thế giới. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 gây ra nhiều thách thức cho DTB trong năm vừa qua quá trình vừa điều hành hoạt động của Công ty vừa chung tay phòng, chống dịch tại địa phương.

Linh hoạt, không khoanh tay trước những khó khăn, biến cố, vững tin vào sự điều hành linh hoạt, hiệu quả của Chính phủ, các địa phương và triển vọng kinh tế của Việt Nam, các doanh nghiệp đang chống chọi khó khăn, tìm cách phục hồi. Bảo Lộc sẽ ngày càng có cơ hội có những thay đổi tốt để DTB đẩy mạnh hoạt động, đưa ra các chiến lược trung và dài hạn cho mình. Bên cạnh đó, DTB cũng không chủ quan về cơ sở hạ tầng, cảnh quan đô thị để phù hợp với tình hình phát triển. Đây là một cơ hội, luôn cập nhật tình hình kinh tế - xã hội để có những quyết định phù hợp.

Giá cả nguyên vật liệu là nhân tố tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận của Công ty. Đặc thù là Công ty hoạt động về lĩnh vực môi trường nên giá cả phụ thuộc vào sự điều chỉnh giá của Nhà nước. Hiện nay, các chính sách về giá vẫn chưa thật sự bắt kịp với tình hình thực tế. Những loại chi phí như nguyên vật liệu đầu vào, lương cho nhân công có xu hướng ngày càng tăng trong khi giá dịch vụ lại được quản lý chặt chẽ nên đã tạo một rủi ro đặc thù chung cho các công ty hoạt động trong ngành công ích, an sinh xã hội. Trước vấn đề này, DTB đã đưa ra các chiến lược tài chính, đầu tư trung và dài hạn như việc cân nhắc thành lập Công ty con để tiến hành đấu thầu các công trình quy mô nhỏ.

Rủi ro cạnh tranh:

Nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ công ích, nâng cao chất lượng dịch vụ, Chính phủ triển khai ủy quyền cho UBND tỉnh và thành phố triển khai áp dụng rộng rãi hình thức đấu thầu trong tương lai thay vì cơ chế đặt hàng các doanh nghiệp Nhà nước. Ngày nay, càng có nhiều đơn vị tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nên công tác đấu thầu gặp phải sự cạnh tranh giữa các nhà thầu trong ngành càng khốc liệt, việc trúng thầu thi công xây dựng dự án càng khó khăn hơn. Song song đó, các đơn vị cùng tham gia cung cấp dịch vụ công ích đô thị cũng có xu hướng ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn tính chất.

Rủi ro khác:

Những rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, lũ lụt... lúc nào cũng có thể xảy ra. Những rủi ro này ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty. Vì vậy, không những chỉ quan tâm đến các rủi ro nêu trên mà Công ty cần phải đảm bảo an toàn về con người và tài sản bằng cách thường xuyên kiểm tra trang thiết bị, thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn đầy đủ cho công nhân viên các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, đồng thời mua các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



Rủi ro môi trường:

Môi trường hiện nay đang là vấn đề đáng quan tâm không chỉ Việt Nam mà còn của cả thế giới. DTB là Công ty cung cấp dịch vụ về môi trường vì vậy luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường. Công ty cần phải chú trọng trong việc sử dụng các loại hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh dùng quá liều, để lại dư lượng trong đất gây ra tình trạng ô nhiễm đất, ô nhiễm môi trường xung quanh. Ngoài ra, trong quá trình thu gom và vận chuyển rác thải thì việc gây ra mùi hôi là điều không thể tránh khỏi.

Bên cạnh đó, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty chịu tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và những rủi ro phát sinh như nhà máy xử lý rác tạm ngưng tiếp nhận rác do sự cố sẽ làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý rác thải, gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro pháp luật:

Là một công ty cổ phần đang đăng ký giao dịch trên Hệ thống đăng ký giao dịch Upcom, DTB chịu ảnh hưởng từ việc điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường... và các văn bản dưới luật liên quan. Một trong những sự ảnh hưởng của pháp luật đối với DTB trong năm nay chính là Nghị định 32/2019/NĐ-CP được chính phủ ban hành ngày 10/04/2019. Nghị định này đã có những quy định chặt chẽ về đặt hàng, đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Nếu không có sự bám sát kịp thời, DTB sẽ gặp phải rủi ro trong tiến trình thực hiện các dự án đấu thầu. Ngoài ra DTB cần phải liên tục cập nhật và nghiên cứu về lĩnh vực công bố thông tin để hạn chế những sai phạm trong quá trình hoạt động của Công ty.





Tình hình hoạt động trong năm 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	%TH 2021/KH2021	%TH 2021/KH2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.683	47.200	48.061	102	101
1.1	Hoạt động công ích	36.713	35.219	36.250	103	99
1.2	XDCB, hoạt động khác	4.030	4.500	4.224	94	105
1.3	Thu giá dịch vụ môi trường	6.940	7.481	7.587	101	109
2	Lợi nhuận sau thuế	3.079	2.700	3.101	115	101
3	Lương bình quân đầu người	7,4	7,5	7,6	101	102



102%

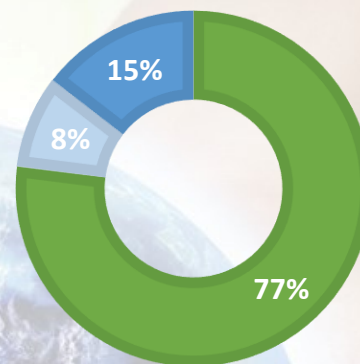
DOANH THU THUẦN

đạt **48,061**
tỷ đồng

Năm 2021, dịch Covid-19 đã tạo ra những thách thức chưa từng có tiền lệ với cả nền kinh tế cũng như tất cả doanh nghiệp, khó khăn nhất là trong thời gian đỉnh điểm của dịch Covid-19 bùng phát trên cả nước. DTB đã vượt qua khó khăn, duy trì tốc độ tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm 2020 và vượt kế hoạch năm 2021 do ĐHDCĐ đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2021 ghi nhận 48.061 tỷ đồng, đạt 102% so với NQ ĐHDCĐ; lợi nhuận sau thuế ghi nhận 3,101 tỷ đồng, đạt 115% so với cùng kỳ năm trước. Để đạt được kết quả đó, Công ty đã không ngừng triển khai tìm kiếm các công trình XDCB và các công trình sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn dịch vụ công ích đô thị để đem doanh thu về cho Công ty.

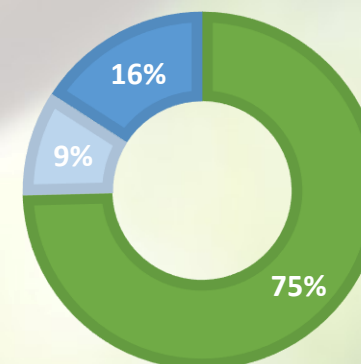


Năm 2020



■ Hoạt động công ích
■ Thu giá dịch vụ môi trường
■ XDCB, hoạt động khác

Năm 2021



■ Hoạt động công ích
■ Thu giá dịch vụ môi trường
■ XDCB, hoạt động khác





Danh sách Ban Điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	LÊ KIM HIỀN	TV. HĐQT – GIÁM ĐỐC CÔNG TY
2	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	TV. HĐQT – PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY
3	LƯU QUANG TUẤN	KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông Lê Kim Hiền

TV. HĐQT - Giám đốc

Ngày sinh	01/01/1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	TV. HĐQT - Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Tổng số CP nắm giữ:	5.700 CP
Tỷ lệ sở hữu CP:	0,37%

Quá trình công tác

- 1996 - 1988 Ban chỉ huy đội tại Nông trường dầu tằm Kô Hìn Đa
- 1988 - 1989 Kỹ thuật cơ khí tại Xí nghiệp phân bón Đại Lào.
- 1989 - 1997 Công nhân cơ điện tại nhà máy chế 19 tháng 5.
- 1997 - 1998 Công nhân cơ điện tại Văn phòng Công ty chè Lâm Đồng (Xưởng chè xanh II)
- 1998 - 2005 Tổ trưởng cơ điện tại Nhà máy chế 1/5
- 2005 - 2008 Đội trưởng đội Sản xuất vật liệu tại Công ty CP Công trình đô thị Bào Lộc
- 2008 - 2014 trình Giám đốc XN Dịch vụ môi trường tại Công ty CP Công trình đô thị Bào Lộc
- 2014 - 2016 Phó Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bào Lộc
- 11/2016 - 7/2020 Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bào Lộc
- 06/2015 - 11/2019 TV. HĐQT Công ty cổ phần Công trình đô thị Bào Lộc
- 11/2019 - 11/2020 Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công trình đô thị Bào Lộc
- 11/2020 đến nay TV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bào Lộc



Ông Nguyễn Đức Hạnh

TV. HĐQT - P. Giám đốc

Ngày sinh	10/09/1967
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Tổng số CP nắm giữ:	387.404 CP
Tỷ lệ sở hữu CP:	24,86%

Quá trình công tác

- 1986 - 1990 Giáo viên - Trung đội trưởng tại tiểu đoàn 158, vùng 1, Hải Quân
- 1991 - 1995 Công nhân tại Nhà máy chế 1-5 thuộc liên hiệp các Xí nghiệp chè Lâm Đồng.
- 1995 - 2010 Đội trưởng đội Công viên cây xanh, trực thuộc Công ty Công trình đô thị Bào Lộc.
- 2015 - 11/2020 Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình đô thị Bào Lộc.
- 2/2020 - Nay Phó giám đốc Công ty CP Công trình đô thị Bào Lộc.



Ông Lưu Quang Tuấn

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 20/03/1964
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
 Tổng số CP nắm giữ: 3.200 CP
 Tỷ lệ sở hữu CP: 0,21%

Quá trình công tác

- 1991-1997: Kế toán Xí nghiệp Dầu tầm Cát Tiên - Đạ Teh - Lâm Đồng
- 1997-2009: Kế toán UBND huyện Đạ Teh - Lâm Đồng
- 2009-nay: Kế toán trưởng CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc



Số lượng cán bộ công nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng(người)	Tỷ lệ(%)
I	Theo trình độ lao động	165	
1	Trình độ trên đại học	0	0
2	Trình độ đại học, cao đẳng	36	21,8
3	Trình độ trung cấp	8	4,8
4	Công nhân kỹ thuật	29	17,6
5	Lao động phổ thông	92	55,8
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	165	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	34	20,6
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)		
3	Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm	131	79,4
III	Theo giới tính	165	
1	Nam	107	64,8
2	Nữ	58	35,2

Thu nhập bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	158	160	165
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.200.000	7.400.000	7.600.000



Chính sách nhân sự

Công ty đề cao phát triển nhân sự bền vững thông qua việc bảo đảm quyền lợi bình đẳng đối với người lao động. DTB đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên trong quá trình làm việc, và tạo điều kiện để mọi người phát huy năng lực tối đa. Việc đảm bảo quyền lợi bình đẳng với người lao động chính là cách thức để công ty phát triển nhân sự bền vững.



Về đào tạo

Hiệu được nhân lực là chìa khóa quan trọng cho sự phát triển lâu dài của Công ty, Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được Công ty kết hợp xen kẽ giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích của khóa đào tạo.

Về tuyển dụng

Để đảm bảo có thể tuyển được nhân lực đáp ứng được trình độ chuyên môn, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai, minh bạch.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng xây dựng một chế độ làm hợp lý nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, tâm lý thoải mái cho người lao động.

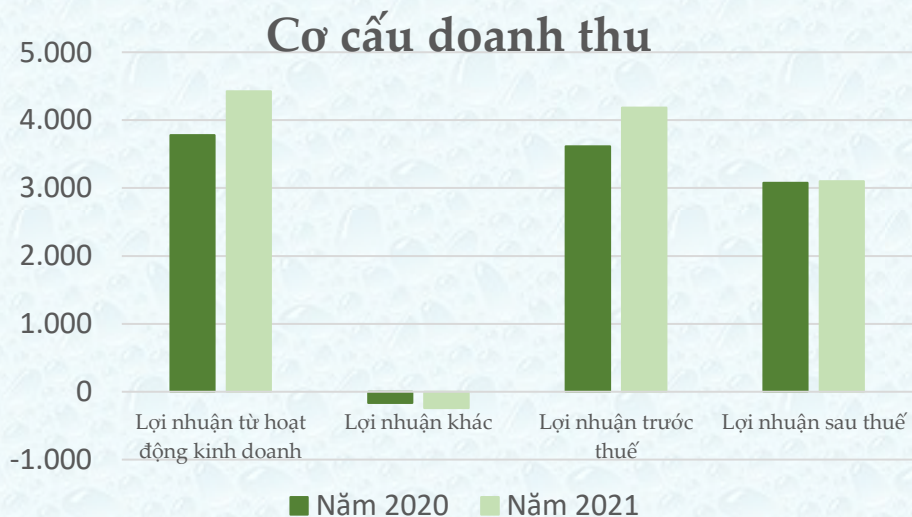
Ngoài ra, mọi ý kiến đóng góp của cán bộ nhân viên luôn được Ban lãnh đạo ghi nhận, cân nhắc và áp dụng nếu phù hợp với quá trình hoạt động, mang lại hiệu quả trong công việc. Thêm vào đó, Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy trách nhiệm, tinh thần lao động, nâng cao trình độ chuyên môn và tự hoàn thiện mình và mang lại lợi ích cho Công ty, đặc biệt là các thành tích nổi bật và ý tưởng sáng tạo mang lại hiệu quả trong các công tác hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động; chính sách đối với lao động nữ; an toàn -bảo hộ lao động...



ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Năm 2021/ % Năm 2020
1	Tổng tài sản	38.299	38.844	101
2	Doanh thu thuần	47.683	48.061	101
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.779	4.426	117
4	Lợi nhuận khác	-165	-241	146
5	Lợi nhuận trước thuế	3.613	4.185	116
6	Lợi nhuận sau thuế	3.079	3.101	101
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	86,7	86,6	99,9



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

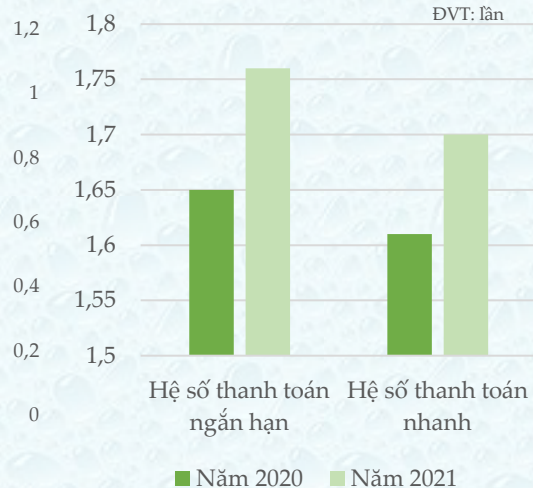
Chỉ tiêu		Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,65	1,76	106,7
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,61	1,70	105,6
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,475	0,47	98,9
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,9046	0,901	99,6
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	40,27	42,36	105,2
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,28	1,25	97,7
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,46	6,45	99,8
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,14	15,30	94,8
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,24	8,04	97,6
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,93	9,21	116,1



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

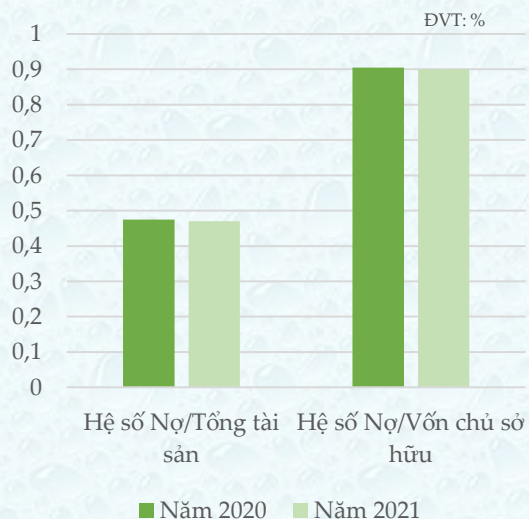
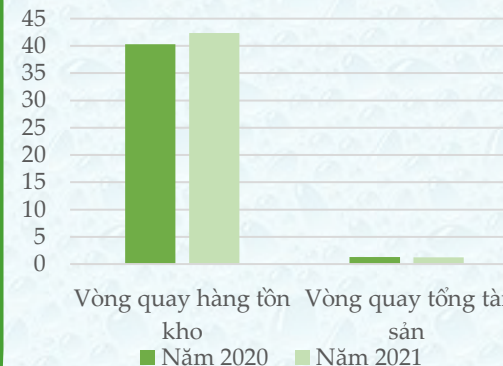
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đều tăng so với năm 2020 cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của DTB ngày càng cải thiện. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 tăng từ 1,65 lần lên 1,76 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng lên 1,7 lần từ 1,61 lần so với cùng kỳ năm trước.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2021, Vòng quay tổng tài sản của Công ty hầu như không có biến động lớn so với năm trước. Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ công ích nên Công ty có số lượng hàng tồn kho và tài sản khá cao. Trong đó, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng trong các hoạt động cắt tỉa cây xanh, vệ sinh môi trường, thi công công trình chiếu sáng... Do đó, chỉ số này không mang nhiều ý nghĩa đối với Công ty.

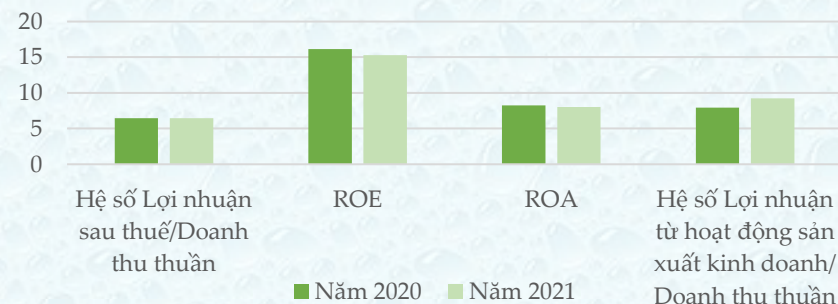


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các tỷ số đòn bẩy nhìn chung thấp và giảm nhẹ trong năm 2021 cho thấy khả năng sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty không cao, thể hiện khả năng tự chủ tài chính của Công ty tốt.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các hệ số về khả năng sinh lời giảm nhẹ trong năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu khi giá một số nguyên liệu chính có xu hướng tăng. Tỷ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân và Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân lần lượt là 15,3% và 8,04% đặt ra nhiều thách thức trong việc chiếm lĩnh thị trường của DTB trong tương lai.



Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.558.248 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.558.248 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cp

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.558.248	15.582.480.000	100%
1	Nhà nước	957.011	9.570.110.000	61,42%
2	Tổ chức	18.989	189.890.000	1,21%
3	Cá nhân	582.248	5.822.480.000	37,37%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0%
	Tổng cộng	1.558.248	15.582.480.000	100%
III	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty			0%





Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu được Công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu gồm cây xanh, cây kiểng, các loại hoa, cây lá màu, xăng, dầu, nhớt, nhựa đường, vật tư thiết bị điện công nghiệp (dùng trong ngành chiếu sáng công cộng), vật liệu xây dựng các loại, một số sản phẩm cơ khí chế tạo,... Công ty có nguồn cung khá ổn định, phần lớn các nhà cung cấp đều chấp thuận phương án trả chậm hoặc thanh toán theo phương thức gối đầu. DBT luôn chú trọng giữ mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng. Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng tiết kiệm tối đa các khoản chi phí. Tuyên truyền, vận động từng cán bộ công nhân viên sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, có hiệu quả

Tiêu thụ năng lượng

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng các năng lượng từ điện, xăng, dầu, nhớt,... để phục vụ cho quá trình vận chuyển rác thải, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, thi công các công trình công cộng,...

Để hạn chế tác động đến môi trường, Công ty luôn khuyến khích người lao động sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển bền vững, thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên... DTB cam kết luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên công ty tích cực tham gia các phong trào vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức.

Tiêu thụ nước

Công ty đã sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của cán bộ công nhân viên.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu những năm gần đây đã khiến cho nguồn nước ngọt trở nên ngày càng khan hiếm, Công ty khuyến khích tập thể cán bộ công nhân viên Công ty sử dụng hợp lý, không làm lãng phí nguồn nước ngọt.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nắm được tầm quan trọng của người lao động đối với sự phát triển bền vững của Công ty, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của tập thể cán bộ nhân viên. Tiền lương được chi trả theo hệ số, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho người lao động. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, cán bộ nhân viên còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, trợ cấp thai sản, trợ cấp công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn...

Với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động, đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng xứng đáng. Đồng thời, các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, hình ảnh của Công ty cũng sẽ có quy định xử phạt thích đáng

Trong công tác đào tạo, Công ty đã tiến hành tự đào tạo, đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo ngoài về tùy thuộc vào nhu cầu cần đào tạo của cán bộ nhân viên.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm, Công ty đều vận động cán bộ công nhân viên thực hiện quyền góp cho đồng bào vùng sâu vùng xa, đồng bào ở những vùng bị thiên tai, đóng góp quỹ "Vì người nghèo", "Quỹ đền ơn đáp nghĩa", "Quỹ mái ấm công đoàn"...





Báo cáo của Ban Giám đốc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch phát triển

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.200	48.061	102%
1.1	Hoạt động công ích	35.219	36.250	103%
1.2	XDCB, hoạt động khác,...	4.500	4.224	94%
1.3	Thu giá dịch vụ môi trường	7.481	7.587	101%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.700	3.101	115%
3	Lương bình quân người lao động /tháng	7,5	7,6	101%

Các đơn vị trực thuộc Công ty đã phát huy năng lực, trách nhiệm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao trong năm. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong khâu quản lý, điều hành;

+ Hoạt động công ích của Công ty: Trong năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, doanh thu đạt 102% kế hoạch; được đánh giá có nhiều tiến bộ, có nhiều khởi sắc và phát triển;

+ XDCB và hoạt động khác: đạt 94% thể hiện sự quyết tâm cao của HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc định hướng, tìm kiếm và tổ chức tham gia đấu thầu các công trình XDCB đem về cho Công ty làm chủ đầu tư hoặc tổ chức thi công. Tuy nhiên, Công ty cần có cơ chế phù hợp hơn nữa, làm cơ sở để các tập thể, cá nhân tham gia đem về cho Công ty nhiều công trình XDCB hơn nữa.

Tóm lại: Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn và phát huy nguồn vốn Nhà nước, vốn cổ đông, nộp ngân sách nhà nước đầy đủ kịp thời, quyền lợi cho người lao động được nâng cao, cuối năm có lãi để đề nghị Đại hội đồng cổ đông chia cổ tức cho cổ đông.

Thuận lợi:

- Công ty luôn đón nhận sự quan tâm của Thành ủy, UBND thành phố, các đoàn thể. Chính quyền địa phương và nhân dân trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Công ty kế thừa, phát huy những thế mạnh, những thành quả, những bài học kinh nghiệm trong quản lý điều hành, cơ sở vật chất, kỹ thuật đã tích lũy trong hơn 20 năm qua;

- Đội ngũ cán bộ, đảng viên, người quản lý điều hành, người lao động phát huy được trình độ chuyên môn tay nghề, có kinh nghiệm thực tiễn, đoàn kết, quyết tâm xây dựng Công ty ngày càng phát triển và phát triển bền vững.

Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty còn gặp những khó khăn cụ thể như sau:

- Tình hình biến động khó lường về kinh tế của khu vực, trong nước, trong tỉnh, biến động về giá cả vật tư nguyên liệu, vật liệu vv.... Nguồn ngân sách đầu tư cho hoạt động công ích chưa theo kịp nhu cầu kiến thiết cho một đô thị loại 3 đang phấn đấu trở thành đô thị loại 2 trong tương lai gần;

- Phong tục tập quán, nếp sống và nhận thức về công tác bảo vệ môi trường của một số hộ dân chưa theo kịp những quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ hạ tầng kỹ thuật đô thị. Còn có những hành vi đập phá hạ tầng giao thông, bắn võ đèn chiếu sáng, đèn THGT, dán giấy quảng cáo tại các trụ đèn, trộm cắp dây điện, thiết bị chiếu sáng. Tự ý chặt phá, đốn hạ cây xanh, đập phá các thiết bị ở công viên, nơi công cộng vv...;

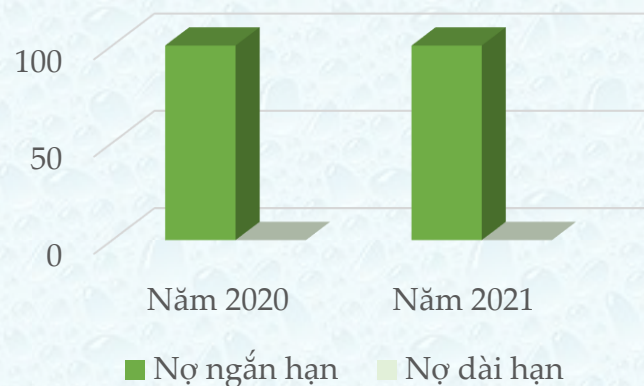
- Năm 2021, tại Việt Nam đã ghi nhận 02 đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ 3 và lần thứ 4, do biến chủng của virus lây lan nhanh, khó kiểm soát, lây lan nhanh trong cộng đồng làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các hạng mục, công việc thường xuyên và các dự án công trình do công ty làm chủ đầu tư, tự thực hiện dự án bị chậm tiến độ, kéo dài do phải thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid 19 theo sự chỉ đạo của Chính Phủ. Tuy nhiên được sự chỉ đạo quyết liệt của Thành Ủy, UBND thành phố Bảo Lộc và BCH Đảng Bộ Công ty, Ban giám đốc Công ty đã có những giải pháp theo phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt kiểm soát hiệu quả dịch covid – 19” vừa sản xuất kinh doanh vừa phòng chống dịch, để điều hành đầy nhanh tiến độ, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.



Tình hình nợ phải trả
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	%2021/2020
Nợ ngắn hạn	18.190	100%	18.406	100%	101,2
Nợ dài hạn					
Tổng nợ phải trả	18.190		18.406		101,2

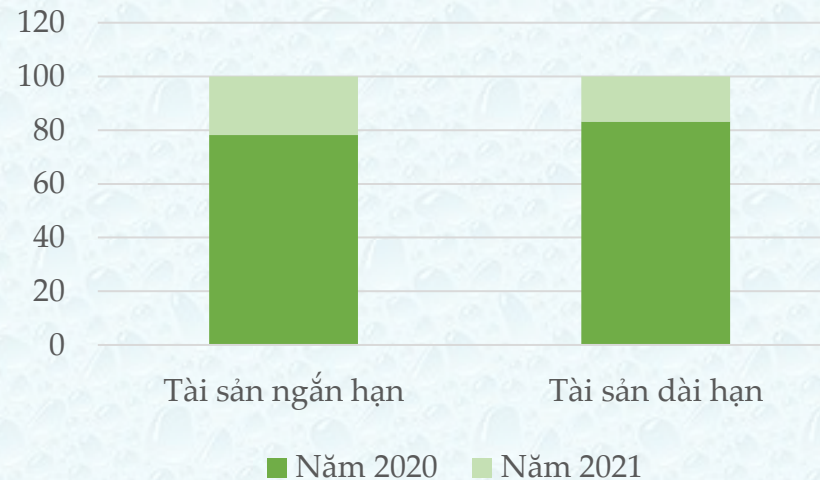
Trong năm vừa qua, khoản mục nợ phải trả của Công ty gần như không có sự thay đổi nhiều, chỉ ghi nhận tăng nhẹ 12% so với năm 2020.

Tình hình nợ phải trả

Tình hình tài sản
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	%2021/ 2020
Tài sản ngắn hạn	29.949	78,2	32.333	83,2	108
Tài sản dài hạn	8.350	21,8	6.511	16,8	78
Tổng tài sản	38.299	100	38.844	100	101,4

Trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm đến 83,2% với giá trị gần 32,33 tỷ đồng. Khoản mục tài sản ngắn hạn tăng thêm 5% (2,38 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu khiến khoản mục tiền gửi ngân hàng tăng vì Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, công tác thu hồi công nợ được cải thiện, đồng thời trước rủi ro chung của nền kinh tế, Công ty hạn chế đầu tư dự án mới và tăng dự trữ tiền để ứng phó với những trường hợp xấu nhất.

Khoản mục tài sản dài hạn tăng nhẹ so với năm 2020 (tăng 5%). Trong kỳ, Công ty thực hiện mua phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình và tiến hành cải tạo, sửa chữa văn phòng Công ty.

Tình hình tài sản




Bộ máy tổ chức và quản lý

- Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ quản lý học tập, rèn luyện bản thân, nghiệp vụ, chính trị. Cán bộ quản lý tự giác, tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vừa là tham mưu vừa là người tổ chức thực hiện.
- Phân công cán bộ quản lý nhấ quán theo nguyên tắc: Một người đảm đương nhiều việc, một việc không giao cho nhiều người và có người chịu trách nhiệm tương ứng với quyền lợi.
- Thực hiện tinh giản biên chế khi hội tụ đủ các điều kiện cho phép.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các đơn vị thi công, cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.
- Thực hiện tốt Quy định 287/TW của BTC TW về mối quan hệ giữa Đảng ủy với HĐQT, Giám đốc trong CTCP có vốn nhà nước chi phối.
- Xây dựng, sửa đổi các quy chế: Công bố thông tin, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ với nhân sự quản lý, điều hành; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế giao khoán XDCB; Quy chế lương, thưởng; Quy chế tuyển dụng lao động.

Chính sách

- Phát hành cổ phiếu vào thời điểm thích hợp, huy động vốn, không trông chờ, ỷ lại nguồn vốn nhà nước.
- Thực hiện đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao năng lực sản xuất sẵn sàng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành trong nền kinh tế thị trường.
- Tạo lập uy tín, xây dựng thương hiệu thông qua chất lượng phục vụ.
- Thành lập công ty con đủ điều kiện tham gia đấu thầu những dự án dưới 5 tỷ đồng.
- Hợp tác, liên kết với các đối tác có năng lực tham gia đấu thầu dự án mà công ty có chức năng, giấy phép hành nghề.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, người lao động học tập, nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề, có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề mà Công ty có chức năng, nhiệm vụ. Có chính sách thu hút nhân tài vào làm việc ở Công ty với nhiều phương pháp tuyển dụng.
- Tăng cường độ chính xác của công tác dự báo, dự phòng để giảm bớt rủi ro cho Công ty.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	51.218
1.1.	Hoạt động dịch vụ công ích	triệu đồng	38.070
1.2.	XDCB và hoạt động khác	triệu đồng	5.000
1.3.	Thu giá dịch vụ môi trường	triệu đồng	8.148
2.	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	2.920
3.	Lương bình quân người lao động /tháng	đồng/người	7,676

Biện pháp triển khai thực hiện

- Ổn định, tinh giảm tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, xây dựng kế hoạch phương án giao khoán cho các bộ phận trực thuộc, nhằm tăng cường tính chủ động, nâng cao hiệu quả lao động và thu nhập, cải thiện đời sống CBVC-NLĐ.
- Duy trì công tác Sơ, tổng kết định kỳ hàng tháng, quý, năm để đánh giá việc thực hiện và bàn biện pháp hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý tốt chi phí và thanh toán nội bộ. Đẩy nhanh thu hồi công nợ, các khoản nợ quá hạn thanh toán.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng thông qua chiến lược chăm sóc khách hàng để cải tiến sản phẩm, dịch vụ hiện có ngày càng tốt hơn, nhằm nâng cao uy tín của Công ty.



- Triển khai thực hiện các danh mục dự án dự kiến đầu tư theo kế hoạch trong năm theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích áp dụng giải pháp mới, cách làm mới, phát huy sáng kiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn nguyên nhiên liệu chất lượng nhưng giá thấp để đảm bảo tính cạnh tranh cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong thời gian tới.
- Thường xuyên cải tiến các quy định, quy trình nội bộ của Công ty kịp thời sát với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định mới của Nhà nước.
- Xây dựng và duy trì tốt các mối quan hệ của địa phương để thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng như trong việc triển khai các dự án đầu tư mới trong năm.

Chúng tôi cung cấp cho Công ty kiểm toán danh sách công nợ tại ngày 31/12/2021 và chúng tôi kế toán phát sinh trong năm 2021 liên quan đến xí nghiệp để thực hiện ghi nhận công nợ của xí nghiệp. Thực tế số công nợ phải thu 1.093.906.000 VNĐ là khách hàng nợ tiền mua đá của Xí nghiệp, trong đó chủ yếu là số công nợ tiền mua đá của Công ty TNHH xây dựng Nam Việt (Công ty là đơn vị hợp tác liên doanh của Xí nghiệp) số tiền nợ là 734.929.000 VNĐ, còn lại của hai khách hàng khác. Công nợ phải trả 1.759.999.998 VNĐ là số công nợ phải trả cho số tiền góp vốn còn lại đều của hai đơn vị hợp tác liên doanh với Xí nghiệp vật liệu xây dựng. Trong đó Công ty TNHH TMDV Trương Vũ còn 104.999.998 VNĐ; Công ty TNHH Xây dựng Nam Việt còn 1.655.000.000 VNĐ. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, các đối tác của Công ty vẫn chưa xác nhận công nợ gửi trực tiếp về công ty kiểm toán theo yêu cầu và kiểm toán viên không chắc chắn với số liệu công nợ ngày 31/12/2021 của Xí nghiệp. Đồng thời liên quan đến Hợp đồng liên doanh số 02/HĐHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh Công ty công trình đô thị Bảo Lộc – Công ty TNHH Xây dựng công trình Nam Việt – Công ty TMDV Trương Vũ. Chúng tôi đang phối hợp cùng với Xí nghiệp vật liệu xây dựng hối thúc mạnh mẽ 02 đơn vị hợp tác liên doanh với Công ty để đàm phán và thống nhất số liệu giữa các bên. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐQT Công ty, Ban điều hành công ty tin tưởng các bên liên doanh sẽ thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp đồng liên doanh để giải quyết các vấn đề tồn đọng trong nhiều năm qua dứt điểm trong năm 2022.



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần bảo vệ môi trường sống của người dân, xây dựng thành phố “Xanh-sạch- sáng-đẹp”.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là một trong những nhân tố thiết yếu đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Vì vậy, Ban giám đốc luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên Công ty. Bên cạnh các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, Ban lãnh đạo luôn lắng nghe nguyện vọng của người lao động để cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện tối đa để người lao động yên tâm công tác.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban giám đốc đã cùng cán bộ nhân viên công ty tổ chức các chương trình quyên góp giúp đỡ bà con các vùng bị thiên tai bão lũ, tham gia các chương trình từ thiện, hoạt động xã hội tại địa phương





Đánh giá của Hội đồng quản trị

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung trong năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các phòng, ban, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện nội dung của các Nghị quyết đề ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần đạt 48,061 tỷ đồng, vượt 2% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 3,101 tỷ đồng, vượt 15% so với kế hoạch.
- Thu nhập bình quân người lao động/tháng đạt 7,6 triệu đồng, vượt 1% so với kế hoạch.

“	Doanh thu thuần:	48,061	tỷ đồng
	Lợi nhuận sau thuế :	3,101	tỷ đồng
	Thu nhập bình quân người lao động:	7,6	Triệu đồng

Tình hình tài chính của Công ty năm 2021 rất tốt, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong định hướng phát triển chung, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, đảm bảo rằng những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

- Công ty luôn cho rằng trước hết, doanh nghiệp phải tự thân đặt ra trách nhiệm của mình đối với người lao động, dân cư xung quanh công trường, môi trường sản xuất, môi trường thiên nhiên... Cụ thể, phải luôn có định hướng đầu tư và cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường.





ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

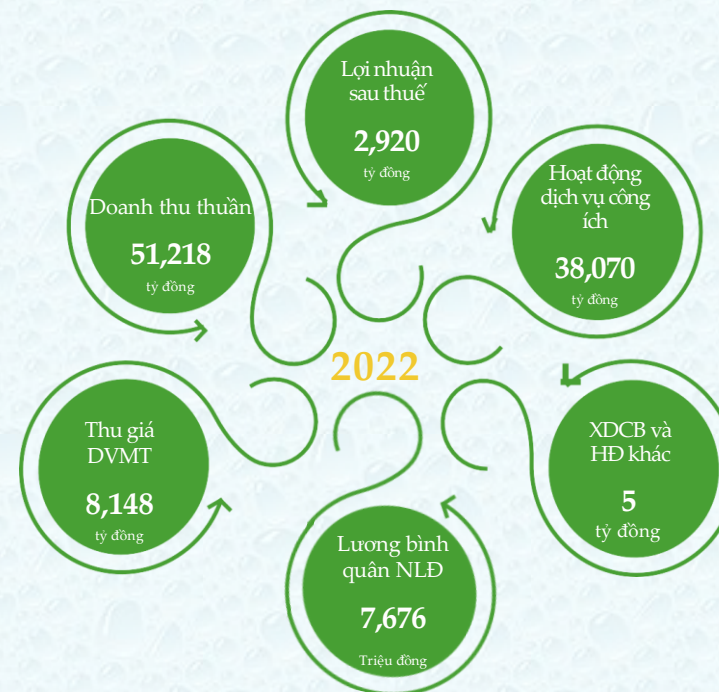
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho người lao động và chế độ phúc lợi cho người lao động;
- Tiến hành cải tạo, sửa chữa, sơn lại khuôn viên Công ty;
- Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin tiếp tục được duy trì tốt.
- HĐQT đã thống nhất thưởng lương tháng 13 của năm 2021 cho người quản lý và toàn thể người lao động có hợp đồng lao động với Công ty theo đúng chế độ hiện hành và đảm bảo các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đề ra;
- HĐQT đánh giá năm 2021 Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành cụ thể như: triển khai kế hoạch SXKD nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài ra có sự đoàn kết, quyết tâm, năng động của cán bộ quản lý và người lao động đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ đã mang lại hiệu quả cao, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ được giao.



Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Dựa vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 và tốc độ tăng trưởng đang hồi phục của kinh tế toàn cầu, Hội đồng quản trị đưa ra các mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 như sau:



Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Hội đồng quản trị tập trung các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2022 nhằm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;
- Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty nhằm bảo tồn và phát huy tối đa nguồn vốn của cổ đông đã đầu tư;
- Đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm thị trường, khách hàng mở rộng quy mô sản xuất và khai thác có hiệu quả các thị phần hiện có;
- Thực hiện tốt các dự án đang thực hiện để đưa vào khai thác, góp phần tăng doanh thu. Theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các dự án đã đề ra trong năm 2020;
- Tiếp tục sắp xếp lại lao động, nhằm đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh;
- Mua sắm thêm 01 xe thang (xe nâng) để phục vụ việc sửa chữa, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn THGT và cắt tỉa cây xanh trên các tuyến đường thành phố.
- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.



Báo cáo quản trị Công ty

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



Danh sách thành viên HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	NGUYỄN DUY TIỀN	CHỦ TỊCH HĐQT
2	LÊ KIM HIỀN	TV. HĐQT – GIÁM ĐỐC CÔNG TY
3	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	TV. HĐQT – PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY
4	PHAN HUY THANH	TV. HĐQT
5	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	TV. HĐQT



LÊ KIM HIỀN
Thành viên
HĐQT/ Giám đốc

Xem lý lịch Ban điều hành



Ông Nguyễn Duy Tiên

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh	10/06/1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Tổng số CP nắm giữ:	587.707 CP
Tỷ lệ sở hữu CP:	37,7%

Quá trình công tác

- 1994- 1998: Đội phó đội 1 tại Nông trường chè Minh Rồng, thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm.
- 1998- 2003: Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính tại Công ty Công trình giao thông Lâm Đồng.
- 2005- 2017: Đội trưởng đội xây lắp trực thuộc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.
- 2015- 04/2020: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.
- 06/2018- 11/2020: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.
- 11/2020 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.



Ông Phan Huy Thanh

Thành viên HĐQT

Ngày sinh	13/10/1945
Quốc tịch	Việt
Trình độ văn hóa	Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Tổng số CP nắm giữ:	5.000 CP
Tỷ lệ sở hữu CP:	0,3%

Quá trình công tác

- 1963 - 1965: Đại đội trưởng tại thanh niên quốc phòng.
- 1966 - 1968: Bí thư Đoàn tại trường cán bộ thống kê Anh Sơn – Nghệ An
- 1969 - 1975: Trưởng phòng tại phòng thống kê Anh Sơn – Nghệ An
- 1976 – 1983: Chánh văn phòng tại Huyện Ủy Bảo Lộc
- 1984 - 1997: Chủ tịch UBND thị xã Bảo Lộc.
- 2010 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc



NGUYỄN ĐỨC HẠNH
Thành viên
HDQT/ Phó
Giám đốc

Xem lý lịch Ban điều hành



Ông Nguyễn Đức Vượng
Thành viên HDQT

Ngày sinh: 06/08/1980
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HDQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HDQT Công ty Cổ phần công viên Nghĩa trang Bảo Lộc
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Sen Hồng P.G.P

Tổng số CP nắm giữ: 16.600 CP
Tỷ lệ sở hữu CP: 1,07%

Quá trình công tác

- 2002- 2005: Kế toán tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Phú Châu.
- 2007- 2017: Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất khoáng sản Phú Gia Phát.
- 2018- Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia Phát - HCM.
- 10/ 2020- Nay : Thành viên HDQT tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.

Các cuộc họp HDQT

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ dự họp
1	Ông: Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch HDQT	7/7	100%
2	Ông: Lê Kim Hiền	Thành viên HDQT/Giám đốc	7/7	100%
3	Ông: Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HDQT/ Phó Giám đốc	7/7	100%
4	Ông: Phan Huy Thanh	Thành viên HDQT	7/7	100%
5	Ông: Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HDQT	6/7	85%



Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2021

STT	SỐ NQ/QĐ	NGÀY KÝ	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
I	Nghị quyết			
1	01/2021/NQ-HĐQT	27/01/2021	1. Tổng kết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, dự thảo phương hướng nhiệm vụ năm 2021. 2. Xem xét, quyết định kết quả kiểm kê vào 0h00 ngày 01/01/2021 và cho ý kiến giải quyết các vướng mắc trong công tác kiểm kê. 3. Bình xét, phân loại thi đua cho người quản lý, điều hành công ty. 4. Thảo luận xem xét các mức thưởng danh hiệu thi đua năm 2020 cho cá nhân, tập thể; Phân phối quỹ lương 10% còn lại năm 2020; Quỹ khen thưởng 10% cho người lao động; Quỹ khen thưởng 5% cho Ban quản lý điều hành; Tiền lương tháng 13 năm 2020 và Kinh phí phục vụ Tết nguyên đán năm 2021. 5. Công tác thanh lý hợp đồng ba bên. 6. Phương án cải tạo vườn ươm.	100%
2	02/2021/NQ-HĐQT	23/02/2021	1. Báo cáo kết quả thực hiện công tác phục vụ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 theo Kế hoạch số 12/KH-Cty ngày 22/01/2021. 2. Quyết định để Giám đốc Công ty khen thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể nổi bật đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác phục vụ trước, trong và sau Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021. 3. Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các nội dung chính như sau: Thời gian tổ chức; Chương trình đại hội; Các báo cáo phục vụ đại hội; Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ đại hội... Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	02/3/2021	Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%
4	04/2021/NQ-HĐQT	18/3/2021	1. Thống nhất tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán; Các chỉ tiêu thực hiện năm 2020 và chiến lược, kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021) 2. Trả lời Công văn số 03/2021 ngày 15/3/2021 của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	100%
5	05/2021/NQ-HĐQT	01/4/2021	Thống nhất tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (Tài liệu còn lại)	100%
6	06/2021/NQ-HĐQT	07/4/2021	Đánh giá, xếp loại chất lượng người quản lý doanh nghiệp và người đại diện phần vốn nhà nước theo Công văn số 309/SNV-CCVC.	100%
7	07/2021/NQ-HĐQT (Trích NQ số 06/2021/NQ-HĐQT)	07/4/2021	Trích NQ số 06/2021/NQ-HĐQT V/v Đánh giá, xếp loại chất lượng người quản lý doanh nghiệp và người đại diện phần vốn nhà nước theo Công văn số 309/SNV-CCVC.	100%

8	08/2021/NQ-HĐQT	24/9/2021	1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 7 tháng đầu năm 2021. 2. Thống nhất kế hoạch chi trả thu lao HĐQT, BKS theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/4/2021. 3. Thống nhất quy định chi tiết về người quản lý khác, người điều hành khác, xem xét bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty. 4. Phân công xây dựng, sửa đổi các quy chế của Công ty: - Xây dựng các: Quy chế công bố thông tin, quy chế bổ nhiệm; - Sửa đổi các quy chế: quy chế tuyển dụng lao động, quy chế lương thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ... 5. Phân công nhiệm vụ trong HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025. 6. Thông qua kế hoạch sử dụng chi phí chung của Công ty; kế hoạch cải tạo, chống thấm văn phòng làm việc Công ty.	100%
9	Trích NQ số 08/2021/NQ-HĐQT	24/9/2021	Trích NQ v/v bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty và thông qua quy chế Công bố thông tin.	
10	09/2021/NQ-HĐQT	22/11/2021	1. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 24/9/2021. 2. Báo cáo kết quả hoạt động 10 tháng đầu năm 2021 và phương hướng SXKD 2 tháng cuối năm 2021 bao gồm các thuận lợi, khó khăn, giải pháp thực hiện v.v...theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. 3. Thông qua sửa đổi các quy chế của Công ty: Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ với nhân sự quản lý, điều hành; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế giao khoán XDCB; Quy chế lương, thưởng; Quy chế tuyển dụng lao động. 4. Đề xuất chủ trương bổ nhiệm chức danh đội phó đội Chiếu sáng đô thị.	100%
II	Quyết định			
1	01/QĐ-HĐQT	2/3/2021	V/v thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban giúp việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	
2	02/QĐ-HĐQT	24/9/2021	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	
3	03/QĐ-HĐQT	24/9/2021	Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty	
4	04/QĐ-HĐQT	24/9/2021	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty	
5	05/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Về việc ban hành Quy chế lương, thưởng	
6	06/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	
7	07/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Về việc ban hành Quy chế tuyển dụng lao động	
8	08/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Về việc ban hành Quy chế giao khoán thi công các công trình xây dựng cơ bản	
9	09/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ với nhân sự quản lý, điều hành	

Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2021:

- Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

- Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của HĐQT trong việc lập và thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT; chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; giao nhiệm vụ để thành viên HĐQT thực hiện đúng các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Các Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ của Công ty, cùng HĐQT quản lý và giám sát hoạt động điều hành kinh doanh, góp phần trong công tác hoàn thành vượt mức Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

HĐQT Công ty có 02 thành viên độc lập bao gồm ông Phan Huy Thanh và ông Nguyễn Đức Vượng. Các thành viên HĐQT độc lập đều tham gia các phiên họp trực tiếp của HĐQT trong năm 2021 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của Công ty cũng như chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT độc lập có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị, đã đóng góp vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị của Công ty.



STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông: Phạm Thanh Kem	Trưởng Ban Kiểm soát	21.300	1,37%
2	Ông: Phạm Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	1.000	0,06%
3	Bà: Bùi Thị Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát	1.200	0,08%

Lý lịch Ban Kiểm soát

PHẠM THANH KEM Trưởng Ban Kiểm soát



Ngày tháng năm sinh: 12/10/1961
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1983 - 1991: Kế toán trưởng tại Xí nghiệp 3/2 - Huyện ủy Bảo Lộc
- 1992 - 1993: Kế toán trưởng tại Trung tâm Dầu tằm to Đức Trọng - Công ty Dầu tằm to Lâm Đồng
- 1994 - 1997: Chuyên viên Phòng Tài chính Huyện ủy Bảo Lâm
- 1998 - 2002: Quản lý nhà đất tại Xí nghiệp KDPT nhà Nam Lâm Đồng
- 2003 - Nay: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 11/2020 - Nay: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Ban Kiểm soát Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 21.300 cổ phiếu (1,37% Vốn điều lệ)



Ngày tháng năm sinh: 04/02/1957

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1978- 1984: Kế toán tại Xí nghiệp cơ khí Quốc doanh Bảo Lộc
- 1984- 1992: Kế toán trưởng tại Xí nghiệp cơ khí Quốc doanh Bảo Lộc
- 1992- Nay: Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Bảo Lộc
- 2010- 2020: Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2020 – Nay: Thành viên BKS tại Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phiếu (0,06% Vốn điều lệ)



Ngày tháng năm sinh: 30/01/1985

Trình độ chuyên môn: Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 2006- 2010: Nhân viên phòng Kế hoạch – Kế toán tại Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2010- Nay : Nhân viên phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tại Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2012- Nay : Thành viên Ban Kiểm soát Chức vụ

hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Chức vụ tại

tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phiếu (0,08% Vốn điều lệ)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp Tỷ lệ tham dự	
1	Ông: Phạm Thanh Kem	Trưởng BKS	3/3	100%
2	Ông: Phạm Văn Minh	TV BKS	3/3	100%
3	Ông: Bùi Thị Hải Yến	TV BKS	3/3	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông:

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Giám đốc và hoạt động SXKD của công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và thông qua các báo cáo tình hình tài chính hàng quý, năm của công ty. Nội dung chủ yếu các phiên họp của Ban kiểm soát bao gồm:

- Kiến nghị các công ty kiểm toán được chấp thuận để HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm của công ty;
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và tình hình SXKD của công ty thông qua báo cáo tài chính định kỳ của HĐQT, Ban giám đốc.



Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông:



BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT các nội dung, kế hoạch kiểm



tra, giám sát, phối hợp với ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra giám sát.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS.



Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD

HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ



phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.

Về thực hiện việc chi thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Căn cứ điều 6 Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc V/v thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021. Tổng mức thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2021 là **235.200.000 đồng** được phân bổ như sau:

ST T	Họ và Tên	Thù lao/tháng	Số tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			153.600.000
1	Lê Kim Hiền	3.200.000	12	38.400.000
2	Nguyễn Đức Hạnh	3.200.000	12	38.400.000
3	Phan Huy Thanh	3.200.000	12	38.400.000
4	Nguyễn Đức Vượng	3.200.000	12	38.400.000
II	Ban kiểm soát			81.600.000
1	Phạm Thanh Kem	3.200.000	12	38.400.000
2	Phạm Văn Minh	1.800.000	12	21.600.000
3	Bùi Thị Hải Yến	1.800.000	12	21.600.000
Tổng cộng (I + II)				235.200.000

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho sự phát triển vào những năm tới.





Báo cáo tài chính kiểm toán 2021

Ý kiến kiểm toán

Bảng cân đối kế toán

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển dòng tiền thuần

Thuyết minh báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lộc (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;
-

Trụ sở chính của Công ty tại 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch
Ông Lê Kim Hiền	Thành viên
Ông Phan Huy Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Phạm Thanh Kem	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Ông Lê Kim Hiền

Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hạnh

Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Duy Tiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Kim Hiền – Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Bảo Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Nguyễn Duy Tiên

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Lê Kim Hiền

Số : 37-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Bảo Lộc, được lập ngày 10/03/2022, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2021, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ tài liệu liên quan đến Công nợ phải thu – phải trả của XI nghiệp Sản xuất vật liệu (là đơn vị phụ thuộc của Công ty) đã ngừng hoạt động khai thác đá làm vật liệu thông thường theo công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán và hạn chế các thủ tục cần thiết khác, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu liên quan đến XI nghiệp Sản xuất vật liệu với giá trị lần lượt Phải thu của khách hàng 1.093.906.000 VND (thuyết minh V.2), Ký quỹ dài hạn 23.800.000 VND (thuyết minh V.4), Phải trả khác 1.759.999.998 VND (thuyết minh V.14).

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, việc xử lý tài chính cũng như công nợ liên quan đến hợp đồng liên doanh số 02/HDHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc - Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt - Công ty TNHH TMDV Trương Vũ tại XI nghiệp Sản xuất Vật liệu vẫn chưa thực hiện được. Với số liệu hiện có của đơn vị, chúng tôi không thể xác định được tính chính xác, đầy đủ, hiện hữu và tồn thất có thể ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Nguyễn Ngọc Tuấn
Chứng nhận Đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2019-152-1
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Giang
Chứng nhận Đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2784-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.332.659.510	29.948.994.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.488.053.121	14.042.471.638
1. Tiền	111		8.461.875.039	11.042.471.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.026.178.082	3.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.642.936.355	15.194.619.523
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.372.594.045	8.412.317.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.790.466.916	4.871.448.933
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.872.313.766	3.351.757.581
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.392.438.372)	(1.440.904.872)
III. Hàng tồn kho	140		1.120.401.834	711.903.169
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.120.401.834	711.903.169
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.268.200	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	81.268.200	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.511.420.830	8.350.450.278
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.800.000	23.800.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	23.800.000	23.800.000
II. Tài sản cố định	220		5.355.042.989	7.499.255.678
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.355.042.989	7.447.155.678
- Nguyên giá	222		13.535.946.500	15.107.700.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.180.903.511)	(7.660.544.522)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	52.100.000
- Nguyên giá	228		-	52.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.132.577.841	827.394.600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.132.577.841	827.394.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.844.080.340	38.299.444.608

TRÁI
ĐI
TÀI
SẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.406.192.180	18.190.655.549
I. Nợ ngắn hạn	310		18.406.192.180	18.190.655.549
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.112.371.423	2.355.936.699
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	100.655.537	101.655.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.359.290.385	959.017.823
4. Phải trả người lao động	314		6.232.383.729	5.611.073.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	471.577.577	775.063.646
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.185.526.591	7.821.617.279
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		944.386.938	566.290.577
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	20.437.888.160	20.108.789.059
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.657.968.590	19.328.869.489
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		801.930.965	493.935.213
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.273.557.625	3.252.454.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		172.496.754	172.496.754
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.101.060.871	3.079.957.522
II. Nguồn kinh phí	430		779.919.570	779.919.570
1. Nguồn kinh phí	431	V.16	779.919.570	779.919.570
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.844.080.340	38.299.444.608

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 10 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.061.054.249	47.683.386.978
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	48.061.054.249	47.683.386.978
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.812.179.281	37.121.576.085
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.248.874.968	10.561.810.893
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	86.209.219	69.924.763
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4.908.890.935	6.852.337.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.426.193.252	3.779.398.043
11. Thu nhập khác	31	VI.5	305.303.213	24.713.505
12. Chi phí khác	32	VI.6	546.428.611	190.581.020
13. Lợi nhuận khác	40		(241.125.398)	(165.867.515)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.185.067.854	3.613.530.528
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.084.006.983	533.573.006
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.101.060.871	3.079.957.522
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.493	1.482

Người lập biểu



Đinh Công Văn

Ngày 10 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Lưu Quang Tuấn



Giám đốc

Lê Kim Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.185.067.854	3.613.530.528
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.109.766.624	1.004.485.608
- Các khoản dự phòng	03	(48.466.500)	764.539.272
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.109.219)	35.247.189
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.212.258.759	5.417.802.597
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.481.118.532)	(54.681.185)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(408.498.665)	419.836.684
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	344.703.782	(635.856.937)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(305.183.241)	894.053.153
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(608.924.430)	(100.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	618.922.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(391.893.019)	(463.845.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.361.344.654	6.096.231.312
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(2.208.760.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	140.445.454
3. Tiền thu lãi cho vay	27	86.209.219	69.924.763
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	86.209.219	(1.998.390.693)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.001.972.390)	(1.194.342.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.001.972.390)	(1.194.342.201)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	445.581.483	2.903.498.418
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.042.471.638	11.138.973.220
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.488.053.121	14.042.471.638

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 10 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020

Trụ sở chính của Công ty tại 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lộc (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, lát nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và Xí nghiệp sản xuất vật liệu (đơn vị phụ thuộc Công ty)

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 163 người (tại ngày 31/12/2020 là 153 người)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	10 – 15 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại Mỏ đá đèo Bảo Lộc. Quyền sử dụng đất không xác định được thời gian nên không trích khấu hao.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

11. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

HOÀNG VĂN THỤ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	211.996.243	218.226.194
+ Tại Văn Phòng	205.594.232	211.824.183
+ Tại Xi nghiệp vật liệu xây dựng	6.402.011	6.402.011
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.249.878.796	10.824.245.444
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	6.026.178.082	3.000.000.000
Cộng	14.488.053.121	14.042.471.638

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	9.094.493.085	5.365.326.704
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt (*)	1.202.683.500	1.202.683.500
Công ty TNHH Nguyên Thanh (*)	300.000.000	300.000.000
Phải thu khách hàng khác (*)	775.417.460	1.544.307.677
Cộng	11.372.594.045	8.412.317.881

(*) Trong đó, phải thu khách hàng ngắn hạn ở Xi nghiệp Sản xuất Vật liệu là 1.093.806.000 đồng (Bao gồm: Công ty TNHH XD Công trình Nam Việt 734.929.000 đồng, Công ty TNHH Nguyên Thanh 300.000.000 đồng, Phải thu khách hàng khác 58.877.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Liên doanh Công ty Tư vấn xây dựng miền Đông & TAA	1.957.651.983	1.957.651.983
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Tiến	893.692.000	893.692.000
Bùi Thanh Tùng	283.540.123	225.740.123
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Khánh Phát	385.981.000	385.981.000
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh	100.000.000	100.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.169.601.810	1.308.383.827
	-	-
Cộng	4.790.466.916	4.871.448.933

4. Phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu ngắn hạn khác	1.872.313.766	3.351.757.581
Tạm ứng	149.091.293	159.840.993
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	565.279.446	565.279.446
Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương 2	300.258.070	300.258.070
Kỳ quỹ kỳ cược ngắn hạn	199.797.493	199.797.493
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	100.000.000	100.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	557.887.464	2.026.581.579
Phải thu dài hạn khác	23.800.000	23.800.000
Kỳ quỹ kỳ cược dài hạn (*)	23.800.000	23.800.000
	-	-
Cộng	1.896.113.766	3.375.557.581

(*) Đây là khoản kỳ quỹ kỳ cược dài hạn ở Xi nghiệp Sản xuất Vật liệu.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	1.510.764.168	(775.835.168)	1.559.230.668	(824.301.668)
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đại Phúc Đạt	99.815.000	(99.815.000)	99.815.000	(99.815.000)
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	1.202.683.500	(467.754.500)	1.202.683.500	(467.754.500)
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Huỳnh Tam Long	147.937.068	(147.937.068)	147.937.068	(147.937.068)
Dự phòng khó đòi khác	60.328.600	(60.328.600)	108.795.100	(108.795.100)
Phải thu khác	400.258.070	(400.258.070)	400.258.070	(400.258.070)
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương 2	300.258.070	(300.258.070)	300.258.070	(300.258.070)
Trả trước người bán	216.345.134	(216.345.134)	216.345.134	(216.345.134)
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
Công ty Tư vấn xây dựng Sông Hồng	116.345.134	(116.345.134)	116.345.134	(116.345.134)
	-	-	-	-
Cộng	2.127.367.372	(1.392.438.372)	2.175.833.872	(1.440.904.872)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	947.176.369	-	517.013.250	-
Công cụ, dụng cụ	71.765.900	-	71.765.900	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	101.459.565	-	123.124.019	-
Cộng	1.120.401.834	-	711.903.169	-

	31/12/2021	01/01/2021
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.120.401.834	711.903.169

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	52.100.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	52.100.000
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	52.100.000
Tại ngày cuối năm	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	206.310.000	711.790.896
Chi phí trả trước dài hạn khác ở Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu	115.603.704	115.603.704
Chi phí trả trước phân bổ dài hạn khác	810.664.137	-
Cộng	1.132.577.841	827.394.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.643.821.570	2.017.432.312	11.373.206.318	73.240.000	15.107.700.200
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm (*)	-	1.571.753.700	-	-	1.571.753.700
Số dư cuối năm	1.643.821.570	445.678.612	11.373.206.318	73.240.000	13.535.946.500
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.201.590.007	930.585.248	5.468.446.891	59.922.376	7.660.544.522
Số tăng trong năm	37.356.000	22.000.000	1.037.093.000	13.317.624	1.109.766.624
Số giảm trong năm (*)	-	589.407.635	-	-	589.407.635
Số dư cuối năm	1.238.946.007	363.177.613	6.505.539.891	73.240.000	8.180.903.511
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	442.231.563	1.086.847.064	5.904.759.427	13.317.624	7.447.155.678
Tại ngày cuối năm	404.875.563	82.500.999	4.867.666.427	-	5.355.042.989

(*) Đây là toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã trả lại cho Công ty TNHH TMDV Trương Vũ do Xi nghiệp sản xuất Vật liệu ngừng hoạt động khai thác đá theo công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

	31/12/2021	01/01/2021
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.677.030.379	2.356.030.379

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Hoa kiếng Tuấn Thủy	320.566.000	243.522.200
Công ty CP Kỹ thuật Đồng Phương	456.686.998	275.926.918
Công ty TNHH Xăng dầu Tín Hùng	-	227.375.679
Cửa hàng vật liệu xây dựng Long Hoa	-	250.429.095
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Việt Kiến Phát	-	214.810.000
Công ty TNHH Nguyễn Thanh Hoàn	483.553.743	-
Cửa hàng cơ sở sắt Phạm Văn Toàn	762.404.771	67.368.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	343.401.300	25.740.000
Phải trả người bán khác	1.745.758.611	1.050.764.807
Cộng	4.112.371.423	2.355.936.699

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Ban Quản lý dự án	68.278.837	68.278.837
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đầu tư và Thương mại Kiến Tạo	12.676.700	12.676.700
Công ty TNHH Kiến Giang	16.500.000	16.500.000
Người mua trả trước khác	3.200.000	4.200.000
Cộng	100.655.537	101.655.537

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	959.017.823	3.884.140.286	3.483.867.724	1.359.290.385
Thuế giá trị gia tăng	576.264.071	2.535.687.876	2.610.817.867	501.134.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp	379.624.849	1.084.006.983	608.924.430	854.707.402
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.904.827	65.584.827	320.000
Thuế tài nguyên	3.128.903	-	-	3.128.903
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	195.540.600	195.540.600	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	-	-	81.268.200	81.268.200
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	81.268.200	81.268.200

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí phải trả khác	471.577.577	775.063.646
Cộng	471.577.577	775.063.646

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	164.611.522	223.156.112
Bảo hiểm xã hội	6.558.136	-
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	3.000.986.859	3.000.986.859
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt (*)	1.655.000.000	2.164.095.137
Công ty TNHH TMDV Trương Vũ (*)	104.999.998	2.164.095.137
Phải trả ngắn hạn khác	253.370.076	269.284.034
Cộng	5.185.526.591	7.821.617.279

(*) Đây là khoản phải trả liên quan đến hợp đồng số 02/HDHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc - Công ty TNHH Xây dựng Nam Việt - Công ty TNHH TMDV Trương Vũ đến thời điểm này vẫn chưa thống nhất số liệu giữa các bên để chính thức ngừng hoạt động theo công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.582.480.000	310.190.259	2.009.946.294	17.902.616.553
Lãi trong năm trước			3.079.957.522	3.079.957.522
Trích lập các quỹ		183.744.954	(643.107.339)	(459.362.385)
Chia cổ tức			(1.194.342.201)	(1.194.342.201)
Số dư cuối năm trước	15.582.480.000	493.935.213	3.252.454.276	19.328.869.489
Số dư đầu năm nay	15.582.480.000	493.935.213	3.252.454.276	19.328.869.489
Lãi trong năm nay			3.101.060.871	3.101.060.871
Trích lập các quỹ		307.995.752	(1.077.985.132)	(769.989.380)
Chia cổ tức			(2.001.972.390)	(2.001.972.390)
Số dư cuối năm nay	15.582.480.000	801.930.965	3.273.557.625	19.657.968.590

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	%	31/12/2021	%	01/01/2021
Vốn góp của nhà nước	61,42	9.570.110.000	61,42	9.570.110.000
Các cổ đông khác	38,58	6.012.370.000	38,58	6.012.370.000
Cộng	100	15.582.480.000	100	15.582.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.582.480.000	15.582.480.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.582.480.000	15.582.480.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	2.001.972.390	1.194.342.201

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>01/01/2021</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.558.248	1.558.248
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

16. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	779.919.570	160.997.570
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	618.922.000
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	779.919.570	779.919.570

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh và công ích	48.061.054.249	47.683.386.978
Cộng	48.061.054.249	47.683.386.978

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh và công ích	38.812.179.281	37.121.576.085
Cộng	38.812.179.281	37.121.576.085

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	86.209.219	69.924.763
Cộng	86.209.219	69.924.763

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.647.078.168	2.916.396.370
Chi phí khấu hao	191.998.624	175.460.622
Dự phòng phải thu khó đòi	(48.466.500)	764.539.272
Các khoản chi phí quản lý khác	2.118.280.643	2.995.941.349
Cộng	4.908.890.935	6.852.337.613

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	305.303.213	24.713.505
Cộng	305.303.213	24.713.505

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản vi phạm	462.152.920	-
Lỗ thanh lý tài sản cố định	52.100.000	105.171.952
Chi phí khác	32.175.691	85.409.068
Cộng	546.428.611	190.581.020

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.185.067.854	3.613.530.528
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	440.344.915	197.705.234
- Các khoản điều chỉnh tăng	571.128.611	197.705.234
- Các khoản điều chỉnh giảm	130.783.696	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	4.625.412.769	3.811.235.762
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN trong năm	925.082.553	762.247.152
Chi phí thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	-	228.674.146
Chi phí thuế TNDN các năm trước	158.924.430	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.084.006.983	533.573.006

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.101.060.871	3.079.957.522
Các khoản điều chỉnh	(775.265.218)	(769.989.380)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	775.265.218	769.989.380
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.325.795.653	2.309.968.142
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.558.248	1.558.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.493	1.482

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay tạm trích 10% Quỹ Khen thưởng, 10% Phúc lợi và 5% Quỹ khen thưởng Ban điều hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.744.776.172	12.695.936.047
Chi phí nhân công	20.194.855.621	18.694.370.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.109.766.624	1.004.485.608
Chi phí dự phòng	(48.466.500)	764.639.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	9.505.153.350	10.391.068.937
Cộng	43.506.085.267	43.550.400.024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.243.359.737	1.175.621.823

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.488.053.121	14.042.471.638	14.488.053.121	14.042.471.638
Phải thu khách hàng	9.980.155.673	6.971.413.009	9.980.155.673	6.971.413.009
Phải thu khác	1.523.424.980	2.992.119.095	1.523.424.980	2.992.119.095
Cộng	25.991.633.774	24.006.003.742	25.991.633.774	24.006.003.742
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	4.112.371.423	2.355.936.699	4.112.371.423	2.355.936.699
Chi phí phải trả	471.577.577	775.063.646	471.577.577	775.063.646
Phải trả khác	5.020.915.069	7.598.461.167	5.020.915.069	7.598.461.167
Cộng	9.604.864.069	10.729.461.512	9.604.864.069	10.729.461.512

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp tài sản cố định hữu hình và Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau :

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	9.604.864.069	-	9.604.864.069
Phải trả cho người bán	4.112.371.423	-	4.112.371.423
Chi phí phải trả	471.577.577	-	471.577.577
Các khoản phải trả khác	5.020.915.069	-	5.020.915.069
Số đầu năm	10.729.461.512	-	10.729.461.512
Phải trả cho người bán	2.355.936.699	-	2.355.936.699
Chi phí phải trả	775.063.646	-	775.063.646
Các khoản phải trả khác	7.598.461.167	-	7.598.461.167

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 10 tháng 03 năm 2022